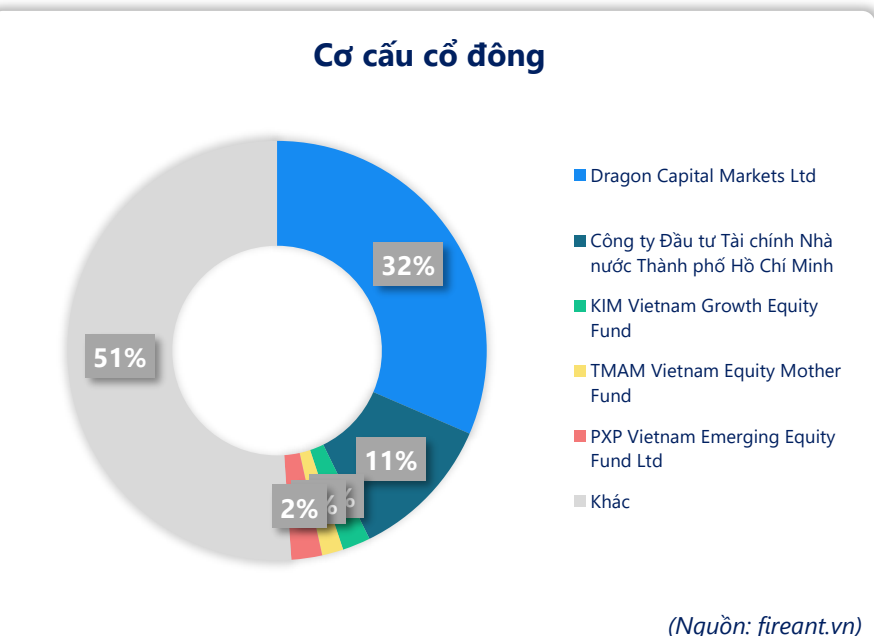
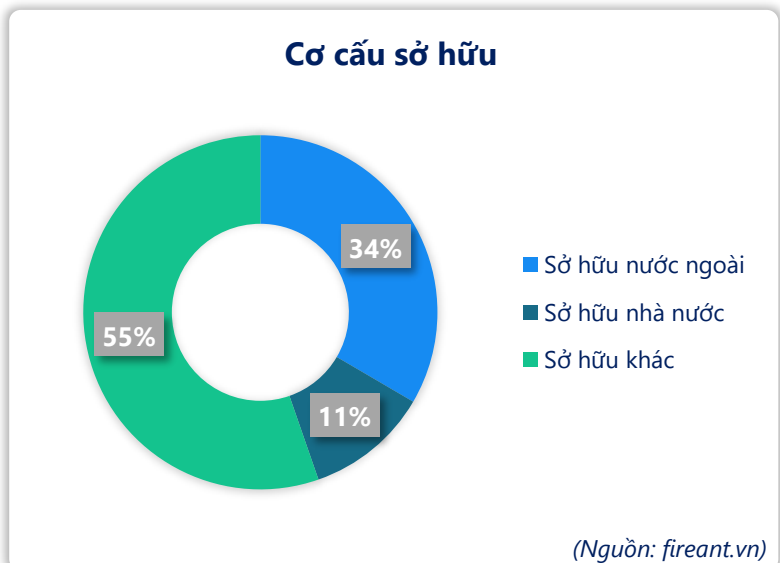
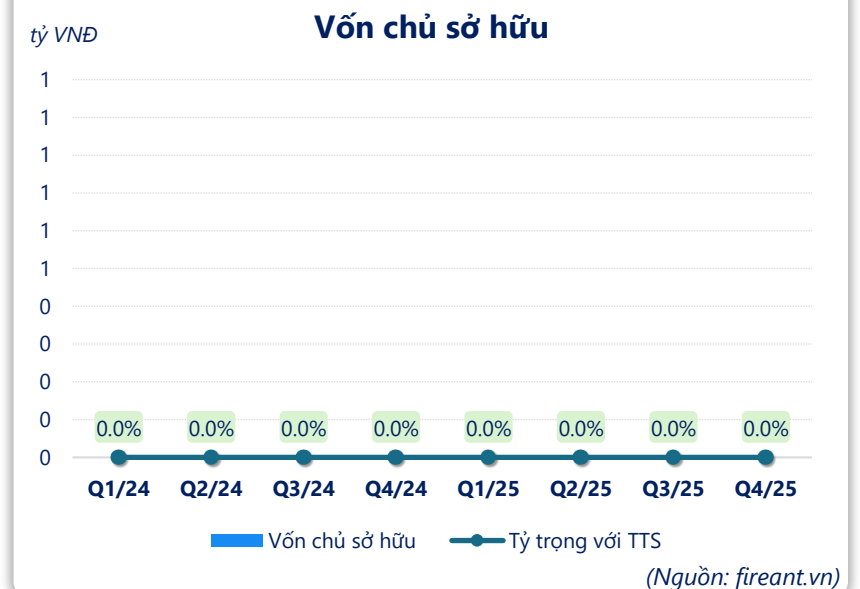
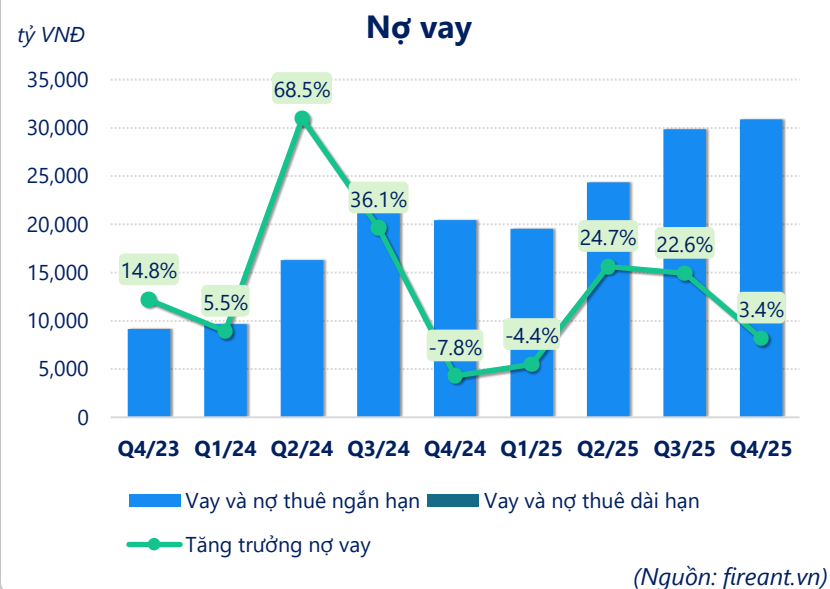
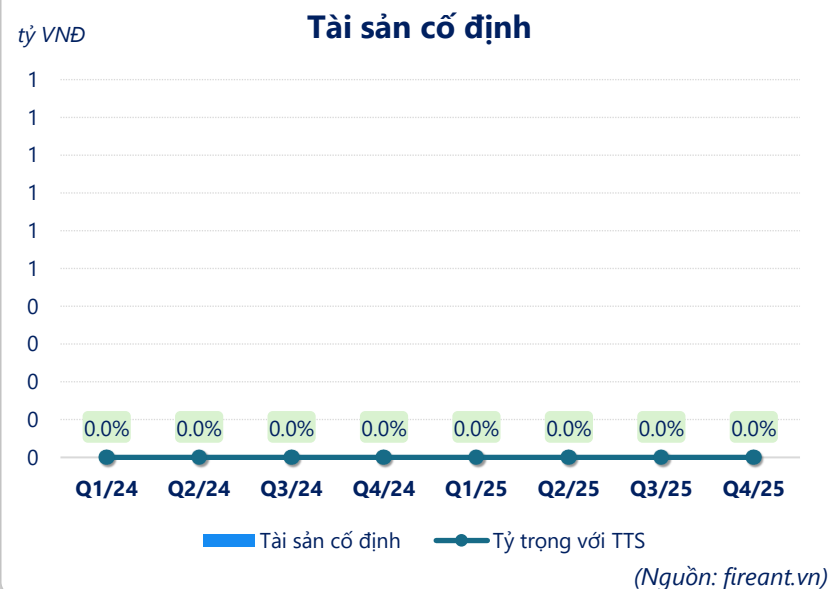
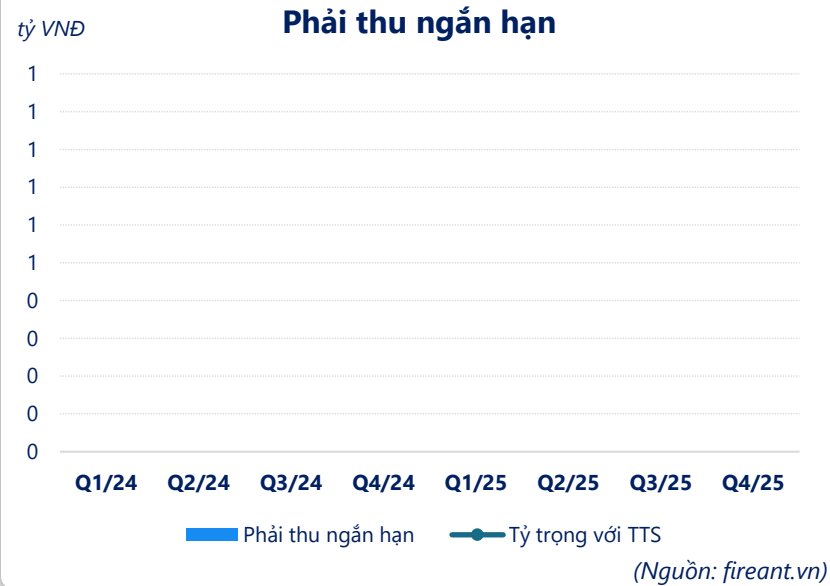
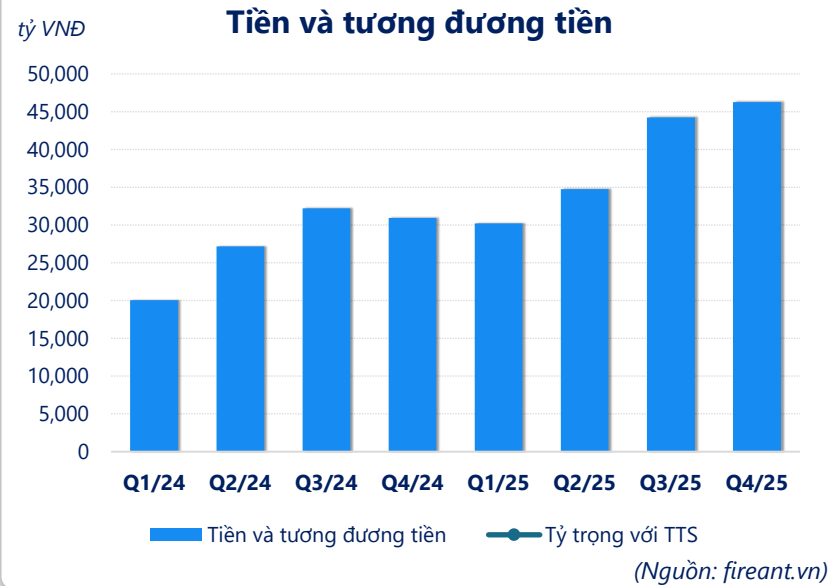
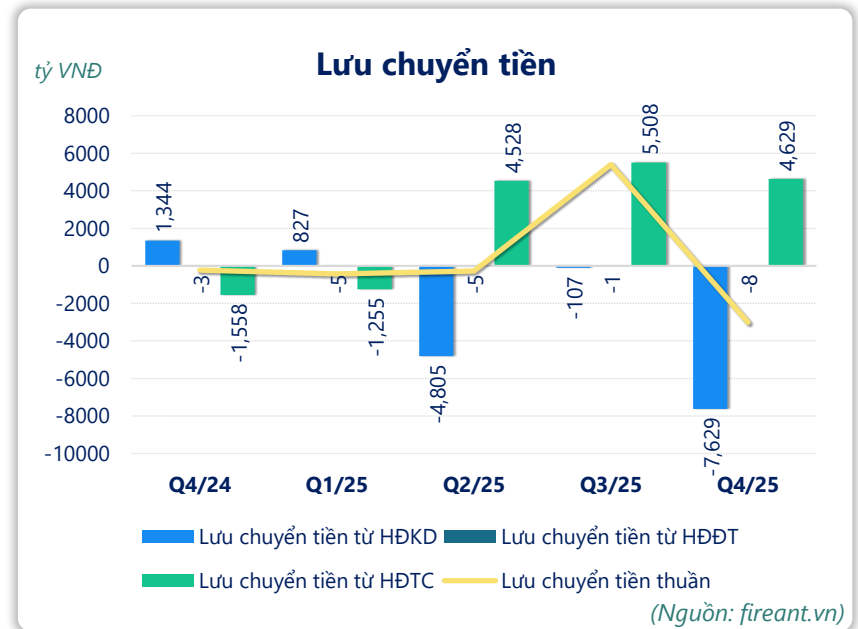
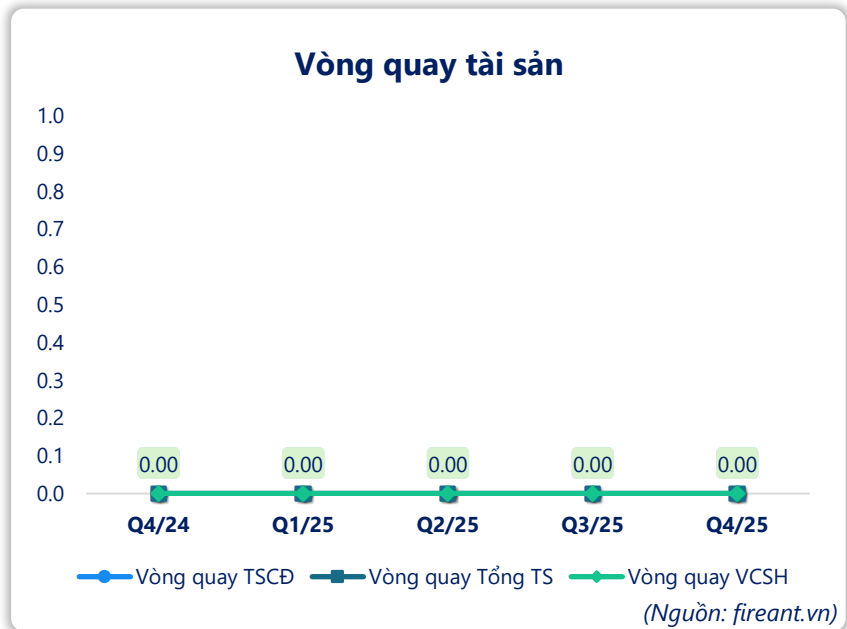
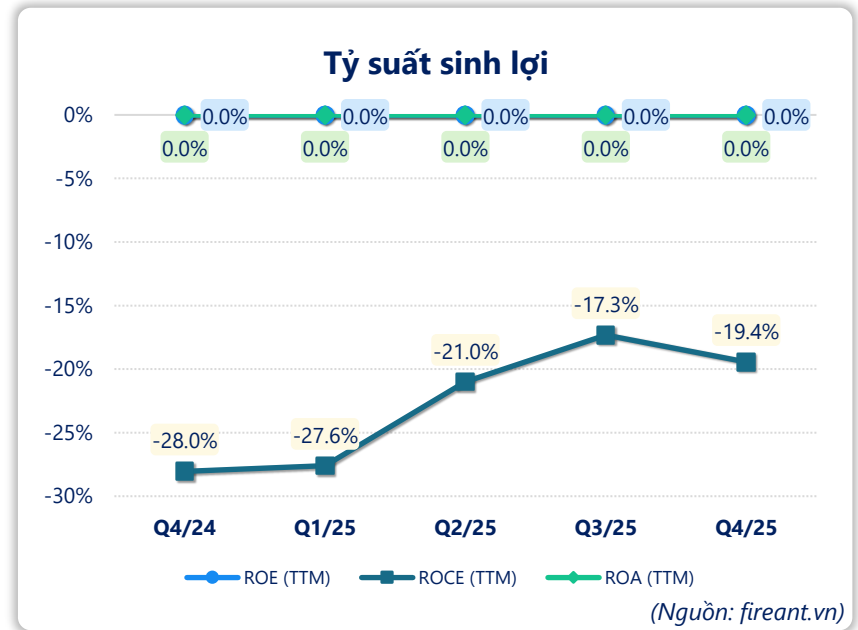
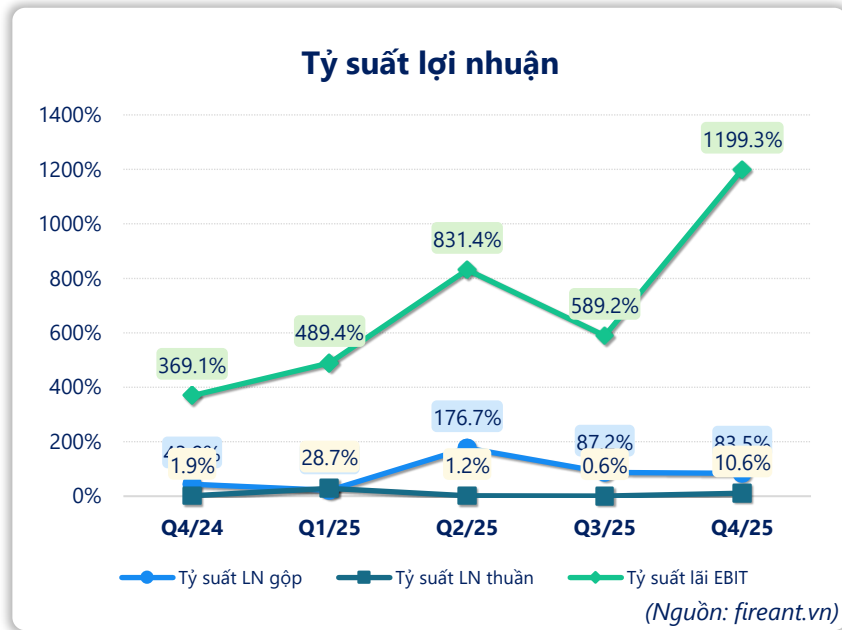
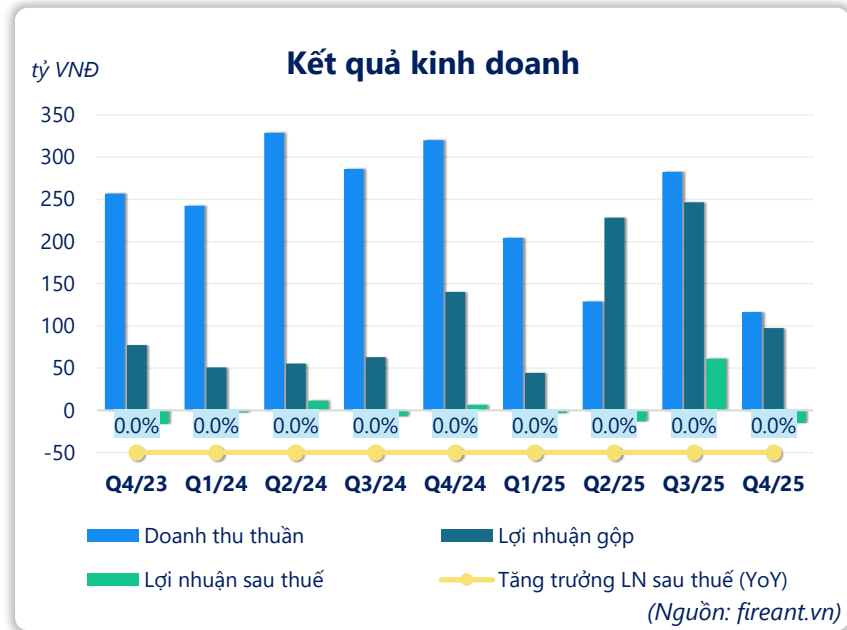


Thông tin giao dịch 31/12/2025	
Giá hiện tại (VNĐ)	22,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	29,207
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	18,316
SL cổ phiếu LH	1,079,956,671
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,604,608
% sở hữu nước ngoài	33.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	24,191
P/E	20.5
EPS	1,091

	YTD	1T	3T	6T
HCM	0.7%	-1.0%	-17.5%	-4.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	46,331	31,172	48.6%
Tiền và tương đương tiền	46,274	30,942	49.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	29.7	27.6	7.7%
Phải thu dài hạn	0.17	0.15	13.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	97.3	93.9	3.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	12.9	12.4	3.9%
Lợi thế thương mại	10.0	10.0	0.0%
Nợ phải trả	31,956	20,896	52.9%
Nợ ngắn hạn	31,956	20,896	52.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	30,889	20,430	51.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	320	204	129	283	117
Giá vốn hàng bán	12.9	0.05	-22.0	-26.4	133
Lợi nhuận gộp	140	44.3	228	246	97.3
Doanh thu HĐTC	0	0	0	0	0
Chi phí TC	510	523	499	642	732
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	187	164	233	507	285
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	6.13	58.7	1.57	1.64	12.4
Lợi nhuận khác	1.80	1.84	1.44	8.85	18.4
LN trước thuế	1,182	1,000	1,073	1,665	1,398
Lợi nhuận sau thuế	6.50	-3.33	-13.0	61.1	-15.0
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,344	827	-4,805	-107	-7,629
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.38	-4.54	-4.53	-1.26	-7.69
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,558	-1,255	4,528	5,508	4,629
Tiền đầu kỳ	2,242	2,024	1,591	1,310	6,709
Lưu chuyển tiền thuần	-218	-433	-282	5,400	-3,008
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2,024	1,591	1,310	6,709	3,702

(Nguồn: fireant.vn)